

### Phẩm 31: PHỔ HIỀN BỒ TÁT HẠNH

**A. Giải thích tên gọi:** Một, Phân rõ về tên gọi của Phần, ngay trong phần thứ hai là tu nhân hợp với quả sinh ra hiểu biết, có hai: Trên đây là trình bày xong về nhân quả thuộc Tu sinh ra, từ đây trở xuống là hai phẩm trình bày về nhân quả thuộc Tu hiển bày; cũng là trước trình bày về nhân quả sai biệt, sau là hiển bày về nhân quả bình đẳng. Nếu dựa vào trong năm vòng nhân quả, thì đây là vòng thứ ba trình bày về nhân quả thuộc tự Thể. Hai, Tên gọi của Phẩm, Đức rộng khắp pháp giới gọi là Phổ, Dụng thuận theo thành tựu pháp thiện gọi là Hiền, đầu nhiếp Đức biểu hiện con người gọi là Bồ-tát, đối với duyên thành tựu về tu gọi là Hạnh. Hạnh của Phổ Hiền, Phổ Hiền là Hạnh, có thể biết.

**B. Ý đưa ra cũng có hai:** Một, Đưa ra Phần, nghĩa là quy tụ nhân quả sai biệt trước đây để đưa về bình đẳng, tức là quy tụ từ Hội thứ hai đến phẩm Bồ-tát Trú Xứ trước đây đưa ra nhân sai biệt, đưa về nhân tròn vẹn của phẩm Phổ Hiền này; phẩm Tánh Khởi quy tụ về phẩm Bất Tư Nghị đưa ra quả sai biệt thuộc ba phẩm, đưa về tánh bình đẳng; vì thế cho nên đưa ra. Lại giải thích: Sai biệt trên đây là trình bày về nhân quả Tam thừa, dưới đây là trình bày về nhân quả Nhất thừa, bởi vì rõ ràng làm chỗ dựa cho Tam thừa trước đây. Lại suy ra sai biệt trước đây đến phần vị căn bản này, cho nên đưa ra. Lại trước đây trình bày về Tu sinh ra, ở đây trình bày về Tu hiển bày. Hai, Đưa ra Phẩm, phẩm trước trình bày về Tu quả của phần vị trước, phẩm này phân rõ về Liễu nhân của phần vị sau, bởi vì nghĩa theo thứ tự cho nên đưa ra.

**C. Tông thú có hai:** Trước là Tông, sau là Thú.

Trước là Tông trình bày về hạnh Phổ Hiền, tóm lược có mười loại: Một, Thông hiểu về thời kiếp; Hai, Nhận biết về thế giới; Ba, Nhận biết về căn khí; Bốn, Hiểu rõ về nhân quả; Năm, Thấu suốt về lý tánh; Sáu, Soi rõ về sự tướng; Bảy, Thường an trú trong Định; Tám, Luôn luôn khởi tâm Bi; Chín, Hiện bày thần thông; Mười, Thường xuyên vắng lặng.

Mười loại trên đây đều có mười môn, như trong thời kiếp: 1) Đà-la-ni môn, trong một niệm có nhiều kiếp... 2) Tương tức môn, ba đời ngay nơi một niệm... 3-Vi tế môn, nhiều cùng hiện rõ ở trong một... 4) Đế vông môn, trùng trùng hiện bày rõ ràng... 5) Bất tư giải thoát môn, tùy theo trí tự tại hiện rõ dài-ngắn... 6) Nhất thân phổ biến môn, thân rộng khắp tức là hòa vào ba đời kiếp... 7) Nhất thân phổ nhiếp môn, kiếp hải ba đời ở trong lỗ chân lông... 8) Hiện nhân môn, tất cả thời gian

trước-sau thường thực hành Đại hạnh nguyện của Bồ-tát... 9) Hiện quả môn, tất cả ba đời thị hiện thành tựu Chánh giác... 10) Hiện pháp môn, tất cả kiếp hải thuyết pháp như mây cuộn mưa tuôn... Năm môn trước là ý nghiệp tự tại, năm môn sau là thân-ngữ tự tại. Như dựa theo thời kiếp có mười môn này, chín loại còn lại cũng đều có mười, dựa theo đây tức là tóm lược phân rõ về trăm môn thuộc hạnh Phổ Hiền, nghĩa còn lại đầy đủ như văn hiển bày.

Sau là Thú, trình bày về hạnh rộng khắp này, ý thuộc về so sánh hiển bày tánh khởi lên tác dụng của quả.

Hỏi: Phẩm này cùng với phẩm Tánh Khởi khác nhau thế nào?

Đáp: Có ba điều khác nhau: 1) Phẩm này dựa theo nhân, phẩm kia dựa vào quả; 2) Phẩm này là chủ động phát khởi, phẩm kia là thụ động phát khởi; 3) Phẩm này bao gồm Tu sinh, phẩm kia chỉ riêng Tánh khởi. Còn lại nói như phẩm Tánh Khởi.

**D. Giải thích văn:** Ngay trong hai phẩm sau, trước là phẩm này trình bày về nhân tròn vẹn của Phổ Hiền, phẩm sau hiển bày về quả đầy đủ của Tánh Khởi.

Ngay trong phẩm này phân hai, đó là Trường hàng và Tụng.

Ngay trong Trường hàng cũng có hai, đó là Chánh thuyết và Thụy chứng.

Ngay trong Chánh thuyết cũng có hai: Đầu là tựa về nguyên nhân thuyết giảng, sau là chính thức hiển bày về những pháp đã thuyết giảng. Lại giải thích cũng có thể làm ba: 1) Nêu ra tóm lược-hiển bày mở rộng, giải thích về nghĩa thành tựu của Phổ. 2) Từ “Bồ-tát khởi nhất sân...” trở xuống là nêu ra pháp ác hiển bày pháp thiện, cũng là nêu ra cứng cõi hiển bày mềm mại, giải thích về nghĩa thành tựu của Hiền. 3) Từ “Phật tử thị cố...” trở xuống là phân rõ về sáu mươi hạnh môn, giải thích về nghĩa thành tựu của Hạnh, cho nên gọi là Phổ Hiền Hạnh.

Ngay trong phần một có hai: 1) Tổng quát nêu ra ít thuyết giảng; 2) Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về nguyên nhân của ít thuyết giảng.

Trong phần một: Như từ trước đến nay thuyết giảng..., giải thích có hai nghĩa: a) Dựa theo gần, như phẩm Tiểu Tướng trước đây đã nói, khiến cho các Thiên tử thành tựu hạnh Phổ Hiền, là thuyết giảng rất ít, bởi vì tùy theo phiền não nghiệp chướng nặng nề rơi vào đường ác của chúng sinh ngu si đã giáo hóa, hiển bày về Dụng của tướng Tiểu vốn như vậy. Nếu dựa theo chúng sinh trí tuệ-nghiệp chướng nhẹ nhàng, phân rõ về nghiệp dụng của tướng Đại thì rộng lớn Bất khả thuyết bất

khả thuyết. b) Dựa theo xa, tức là như vòng thứ hai trước đây trong năm vòng nhân quả, là thuyết giảng rất ít, bởi vì nhân dần dần của năm phần vị-quả sai biệt của ba đức trước đây, tuy trong các môn cũng có nghĩa viên dung của Phổ Hiền mà không giống như Tam thừa, nhưng tướng của môn ấy lên-xuống giống như Tam thừa ấy, đuối theo cơ-dựa vào bệnh không tận cùng nguồn pháp, gọi là thuyết giảng rất ít. Hai phẩm dưới đây trình bày về nhân quả của Phổ Hiền, đuối theo pháp tánh, không dựa vào căn cơ nhiễm ô để phân biệt lên-xuống, gọi là thuyết giảng rộng lớn, ý vẫn như vậy.

Ngay trong phần hai là giải thích: Trước là nêu ra, sau là giải thích.

Trong giải thích: Một, Tổng quát giải thích: Tất cả Như Lai, nghĩa là như vậy tùy theo bệnh-dựa vào cơ-thuyết giảng ít, bởi vì chư Phật ba đời thấy đều giống như vậy. Hai, Trong riêng biệt giải thích: Đã tùy theo Hoặc nhiễm của chúng sinh, tuy nhiều mà tóm lược hiển bày về mười loại: 1) Vô minh; 2) Các ràng buộc; 3) Chấp vào Ngã sở; 4) Đắm vào Ngã kiến; 5) Bốn điên đảo; 6) Tà kiến; 7) Chấp trước ngang ngược; 8) Dục ràng buộc. Trên đây là đầy đủ nhân của khổ. 9) Đầy đủ quả của khổ; 10) Xa rời đạo xuất thế. Ba-Từ “Vị như thị...” trở xuống là kết luận: Đã vì chúng sinh có đủ phiền não như vậy, Như Lai xuất thế thuyết pháp, lẽ nào có thể có tận cùng pháp tánh hay sao?

Trong phần hai là trình bày về hạnh Phổ Hiền: Trước là trình bày về đã đối trị rộng lớn có trăm ngàn chướng ngại; sau là hiển bày về có thể đối trị rộng lớn có 60 hạnh.

Trong phần trước có ba, đó là nêu ra-giải thích và kết luận.

Trong nêu ra: Tuy các phiền não đều có khắp nơi chướng ngại đến tất cả Thánh đạo, nhưng Sân là một loại tự mình chướng ngại đến Đại Bi thâm nhiếp chúng sinh của Bồ-tát, vì vậy chỉ nêu ra Sân để ví dụ cho những phiền não khác. Lại giải thích: Bởi vì Sân làm chướng ngại nặng nhất, cho nên chỉ nói đến nó. Trong kinh Quyết Định Tỳ Ni nói: “Bồ-tát thà khởi lên trăm ngàn tâm Tham chứ không khởi lên một niệm Sân, bởi vì làm hại đến Đại Bi không có gì hơn được Sân này.” Trong kinh Bồ-tát Thiện Giới cũng nói giống như vậy.

Trong giải thích: Nói trăm ngàn... là tổng quát nêu ra. Từ “Hà đẳng...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về trăm môn, trong đó dựa vào phần vị phân làm năm: 1) Chướng ngại đến hạnh của Thập Tín; 2) Từ “Bất lạc Phật pháp...” trở xuống là trình bày về chướng ngại đến hạnh của Thập Trú; 3) Từ “Bồ-tát thanh tịnh chư căn...” trở xuống là chướng

ngại đến Thập Hạnh; 4) Từ “Phỉ báng Phật pháp...” trở xuống là chương ngại đến Đại nguyện hạnh của Thập Hồi Hương; 5) Từ “Bất lạc Bồ-tát cộng trú...” trở xuống là chương ngại đến hạnh chân chứng của Thập Địa. Vạn hạnh của Bồ-tát không vượt qua năm phần vị, khởi lên một tâm Sân thì tất cả lập tức bị chương ngại. Lại bởi vì pháp giới thụ động chương ngại như Đế võng trùng trùng, làm cho chủ động chương ngại cũng giống như thụ động thấy đều vô tận, khởi lên một niệm Sân tạo thành trăm ngàn chương ngại, lý thật sự vô tận.

Trong kết luận: Có kết luận-có giải thích, có thể biết.

Trong phần sau là phân rõ giải thích về hạnh có thể đối trị của Phổ Hiền: Một là chính thức hiển bày; Hai là kết luận khuyến khích.

Trong phần một có sáu phần vị, đều dựa vào phần trước phát khởi phần sau.

**Trong phần vị thứ nhất:** Phật tử vì vậy, vốn là một niệm Sân trước đây trở thành trăm ngàn Tà pháp làm chương ngại, khuyến khích khiến cho tu tập mười loại Chánh pháp, dùng để vượt qua Tà pháp. Nhưng mười pháp này không những vượt qua Tà Sân trước đây, mà cũng chính là nhanh chóng đạt được Bồ-đề. Trong chính thức phân rõ có mười câu thâm nhiếp làm thành năm cặp: Hai câu đầu dựa theo con người, một là không rời bỏ dưới thấp, hai là không ngạo mạn trên cao; hai câu tiếp dựa theo pháp, một là không bài báng đối với Giáo, hai là không mê mờ đối với Sự; hai câu tiếp dựa theo tâm hành, một là vui với thực hành, hai là tâm kiên định; hai câu tiếp dựa theo nhân quả, một là quả của trí, hai là nhân của biện tài; hai câu sau cuối dựa theo Bi nguyện, một là Bi, hai là Nguyện.

**Trong phần vị thứ hai:** Là thanh tịnh: Đầu là dựa vào Chánh pháp trước đây trình bày về hạnh thành tựu lìa xa cấu nhiễm, cho nên nói là thanh tịnh. Trong mười câu cũng làm năm cặp: Ba câu đầu thanh tịnh đối với Giáo pháp, một là Tín, hai là Cầu, ba là Hộ; hai câu tiếp thanh tịnh đối với Lý pháp, một là rộng, hai là rất sâu xa; hai câu tiếp thanh tịnh đối với Hóa pháp, một là hiểu rõ pháp khí, hai là tăng thêm thiện; hai câu tiếp thanh tịnh đối với Thời kiếp, một là không đắm vào, hai là quán sát; một câu sau cuối kết luận về thành tựu tánh.

**Trong phần vị thứ ba:** Là Chánh trí: Bởi vì lìa xa cấu nhiễm làm chương ngại khiến cho trí thanh tịnh sáng ngời, cho nên nói là Chánh trí. Mười câu này cũng làm năm cặp: Hai câu đầu là trí hiểu rõ Sở hóa; hai câu tiếp là trí nhận biết Hóa pháp; hai câu tiếp là trí nhận biết Trì biện; hai câu tiếp là trí có đủ thân-ngữ; hai câu sau cuối là trí soi chiếu

Y- Chánh.

Trong phần vị thứ tư là khéo léo tùy thuận tiến vào: Bởi vì đạt được Chánh trí cho nên có thể xoay chuyển những pháp đã biết tùy thuận hòa vào lẫn nhau. Mười câu này cũng làm năm cặp: Hai câu đầu là Thân-Độ vô ngại; hai câu tiếp là Thời-Pháp vô ngại; ba câu tiếp là Căn-Cảnh vô ngại, các Nhập là Cảnh, lại giải thích do trí tiến vào mà nhận biết, không phải Căn là chân lý, lại cũng là Cảnh; hai câu tiếp là Ngôn-Tướng vô ngại; một câu sau cuối là ba đời vô ngại.

**Trong phần vị thứ năm:** Là tâm thẳng thắn: Bởi vì xoay chuyển tự tại khiến cho đích thực hướng về chân thật, cho nên nói là tâm thẳng thắn. Mười câu này cũng làm năm cặp: Hai câu đầu là nghĩ đến cơ-thiết lập giáo pháp; hai câu tiếp là trú vào pháp sâu rộng; hai câu tiếp là trú vào pháp thuộc Giáo nghĩa; hai câu tiếp là trú vào pháp thuộc Hành; hai câu sau cuối là trú vào pháp thuộc Quả. Đều là Chánh tâm hướng về cho nên gọi là tâm thẳng thắn. Luận Khởi Tín nói: Tâm thẳng thắn là Chánh niệm về pháp Chân Như.

**Trong phần vị thứ sáu:** Là phương tiện khéo léo: Dựa vào tâm thẳng thắn trước đây khởi lên phương tiện này. Ba câu đầu dựa vào Chứng phát khởi thuyết giảng, một là soi chiếu Lý sâu xa, hai là phát ra Trí thù thắng cũng là hiển bày về Lý tánh, ba là khéo léo thiết lập ngôn từ; hai câu tiếp là chứng được Chân-thông hiểu Tục, phân biệt về tướng sai khác, là pháp thuộc về Tục đế; năm câu sau là tiến vào pháp tự tại. Trong đó bốn câu trước là tiến vào pháp: Một là tiến vào Lý pháp; Hai là tiến vào Quả pháp; Ba là tiến vào Hành pháp, là pháp thực hành phương tiện khéo léo có thể một hòa vào tất cả; Bốn là tiến vào Giáo pháp, nghĩa là nhiều môn phương tiện khéo léo. Một câu sau là tự tại không chuyển đổi với pháp đã tiến vào phía trên.

Trong phần hai từ “Phật tử thị cố...” trở xuống là kết luận khuyến khích: Trước là khuyên nhủ lắng nghe tiếp nhận; từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích hiển bày về pháp quan trọng thù thắng. Bởi vì hạnh Phổ Hiền chắc chắn là một thân nhiếp tất cả, cho nên dùng một ít công lực mà nhanh chóng đạt được Bồ-đề; phương tiện này chính là công dụng. Phần Chánh thuyết xong.

Trong phần thứ hai là Cảm chứng, có hai: Trước là cảm được điềm lành; sau là chứng thực thành tựu. Hai phần này đều có hai, đó là cõi này kết luận nối thông.

Trong phần trước là cảm được điềm lành, có ba: 1) Nguyên nhân, đó là Phật lực và Pháp lực; 2) Mặt đất rung động; 3) Mưa xuống cúng

dường.

Hỏi: Hội này thuyết giảng ở cõi trời Tha Hóa, vì sao kết luận nổi thông lại nói là Phật an tọa đạo tràng như ở thế giới hệ này?

Đáp: Bởi vì căn bản ở dưới tán cây Bồ-đề, cho nên kết luận quy về nơi ấy. Vả lại, tụy lên trên cõi trời mà vốn không rời xa tán cây Bồ-đề.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao Thập Địa... trước đây đều không giống như vậy?

Đáp: Trước đây dựa theo Đồng giáo, kết luận nổi thông cung trời và tán cây Bồ-đề ấy, gốc và ngọn hợp lại mà nói. Ở đây dựa vào Biệt giáo, quy tụ ngọn đưa về gốc, chỉ dựa vào đạo tràng, ý giữ lại nơi này. Sau trong phẩm Tánh Khởi... đều giải thích giống như vậy.

Trong phần sau là chứng thực thành tựu, cũng có ba: 1) Nguyên nhân, hai lực giống như trước; 2) Số lượng người hưởng đến; 3) Từ “Tác như thị thuyết...” trở xuống là ca ngợi thuật lại chứng thực thành tựu và kết luận nổi thông... đều có thể biết.

Trong phần kệ tụng có hai: Trước là ý lời tựa; Sau là phần Chánh tụng.

Trong phần trước có hai: Một, Nêu ra tướng, nghĩa là hai lực Tự-Tha chính là nguyên nhân, quán sát mười phương là phạm vi giới hạn của thiết lập giáo pháp, quán sát pháp giới là hiển bày về nghĩa lý sâu rộng. Hai, Từ “Dục minh...” trở xuống là ý thuật lại, nghĩa là bởi vì muốn thuật lại ý của mười loại này, cho nên nói ra kệ tụng này: 1) Trình bày về nhân hạnh; 2) Hiển bày về quả đức; 3) Thuyết giảng về Đại nguyện; 4) Thời xứ phát khởi hạnh; 5) Cơ chín muồi hiện rõ Phật; 6) Xứng với căn cơ trao cho pháp; 7) Lợi ích đã thuyết giảng; 8) Trình bày về nhân đạt được quả; 9) Quả hiện rõ thân thanh tịnh; 10) Ngữ nghiệp mở thông giác ngộ. Nghĩa của mười loại này, trong kệ tụng dưới đây đều hiển bày đầy đủ.

Trong phần sau là Chánh tụng, có 121 tụng phân hai: hai mươi hai tụng đầu là hiển bày về phạm vi giới hạn của thuyết giảng, chín mươi chín tụng còn lại là chính thức phân rõ về tướng của hạnh Phổ Hiền. Những tụng này đều không phải là trùng tụng về văn trước đây, mà chỉ là làm sáng tỏ cho văn trước đây cùng nhau hiển bày về Dụng của hạnh Phổ Hiền, nghĩa là phần trước tóm lược-phần này mở rộng, phần trước là Thể-phần này là Dụng. Cũng có các Sư đem phối hợp với Trường hàng trước đây, văn không thích hợp cho nên biết ý khác nhau, không có thể đoán định theo chủ quan.



Ngay trong hai mươi hai tụng đầu, phân bốn: Một, Có hai tụng về khuyển nhủ lắng nghe nhận lời thuyết giảng. Hai, Từ “Nhất thiết chư kiếp...” trở xuống có tám tụng trình bày về Bồ-tát này ở nơi Phật quá khứ phát khởi hoằng thệ nguyện hạnh. Ba, Từ “Ưu nhất Hiền kiếp...” trở xuống có mười một tụng trình bày về đối với Phật hiện tại-vị lai tu hạnh ba Luân, trong đó: bảy tụng đầu nêu ra Phật hiện tại-vị lai, bốn tụng sau trình bày về hạnh thanh tịnh thành tựu đối với ba Luân. Bốn-Từ “Hành giả...” trở xuống có một tụng kết luận về phạm vi giới hạn của thuyết giảng.

Từ đây trở xuống là trong chín mươi chín tụng còn lại, chính thức hiển bày về Tướng của hạnh Phổ Hiền, cũng phân hai: Một, Có sáu mươi chín tụng trình bày về hạnh thuộc Đại Trí của tự đức. Hai, Từ “Độ vô lượng chúng sinh...” trở xuống có ba mươi tụng trình bày về hạnh thuộc Đại Bi giáo hóa bên ngoài.

Trong phần một trình bày về mười loại hạnh thuộc Đại Trí của Phổ Hiền: 1) Đầu là bảy tụng trình bày về hạnh thuộc Đại Trí khéo léo tiến vào Đế vông. 2) Từ “Thâm nhập vi tế...” trở xuống là mười bảy tụng trình bày về hạnh thuộc Trí vi tế tiến sâu vào Thời-Xứ... 3) Từ “Thế giới cập Như Lai...” trở xuống là năm tụng trình bày về hạnh bí mật quan trọng hiểu rõ tâm chư Phật ba đời, nghĩa là tên gọi Thế giới và tên gọi của Phật; những điều này thô thiển nhất hãy còn ở nhiều kiếp thuyết giảng không thể nào hết được, huống gì cảnh giới đã nhận biết trong tâm Phật, nghĩa là pháp giới chân thật vi diệu..., nhưng Bồ-tát này cũng có thể nhận biết rõ ràng thành tựu hạnh thuộc Đại Trí của Phổ Hiền. 4) Từ “Như thị vị lai thế...” trở xuống là bốn tụng về hạnh hiểu rõ vị lai thâm nhiếp sự nghiệp giáo hóa. 5) Từ “Hiện tại thập phương...” trở xuống là bốn tụng về hạnh thông đạt cảnh giới của Phật hiện tại. 6) Từ “Bồ-tát cụ xuất...” trở xuống là năm tụng trình bày về hạnh thuộc Dụng giáo hóa của sáu căn. 7) Từ “Thâm nhập trí cảnh...” trở xuống là mười tụng trình bày về hạnh thuộc Khí thể gian tự tại. 8) Từ “Bồ-tát tri chư pháp...” trở xuống là sáu tụng trình bày về hạnh thuộc Trí chánh giác thế gian tự tại. 9) Từ “Thanh tịnh Pháp thân...” trở xuống là năm tụng trình bày về hạnh thuộc Pháp thân không phải thân và không thân. 10) Từ “Thí như công huyễn...” trở xuống là sáu tụng trình bày về hạnh thuộc tâm thanh tịnh không phải hạn lượng và không hạn lượng. Trên đây là hạnh thuộc Trí của tự đức, xong.

Ngay trong phần hai là hạnh thuộc Đại Bi giáo hóa bên ngoài, cũng có mười hạnh: 1) Có sáu tụng về hạnh giáo hóa chúng sinh khiến

cho pháp tâm Bồ đề 2) Từ “Như Lai tính thân...” trở xuống là hai tụng ca ngợi về hạnh hiện rõ Phật thân nhiếp chúng sinh. 3) Có một tụng về hạnh phân bố xá-lợi của Phật quá khứ. 4) Có 1 tụng về hạnh có thể nhận biết về đức của Phật vị lai. 5) Từ “Như thị tam thế...” trở xuống là 4 tụng trình bày về hạnh tiến sâu vào Pháp luân. 6) Từ “Vô lượng vô biên tâm...” trở xuống là năm tụng về hạnh hiểu rõ tâm chúng sinh thuộc căn khí nhiễm-tịnh. 7) Từ “Nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là 3 tụng về hạnh hiểu rõ duyên khởi nghiệp báo của chúng sinh. 8) Từ “Như thị chư căn...” trở xuống là năm tụng về hạnh hiểu rõ thông suốt Căn-Cảnh vô ngại. 9) Có một tụng về hạnh nhận biết rõ ràng năm cách thuyết pháp.

10) Cuối cùng là hai tụng trình bày về tướng ba đời là hạnh tự tại.

-----